

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức (gọi tắt là “Công ty”) là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06/11/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) lần đầu ngày 04/02/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2016 do.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0303171325 thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2016 là: 64.141.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi tư tỷ, một trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn*)

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: TDC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BTĐ.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên
Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Quang Cường	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc
Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Hữu Ý

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Số: 137/2022/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức, được lập ngày 25/3/2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 26/3/2021.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Lưu Minh Tới**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3920-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		120.360.320.033	138.344.154.089
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.115.809.290	15.561.118.898
1. Tiền	111		8.115.809.290	15.051.118.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	510.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	24.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	24.500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.466.915.130	64.991.956.041
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	82.889.268.271	78.672.415.473
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	155.708.247	10.392.329.989
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.931.804.810
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	8.796.995.067	1.821.640.750
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(29.375.056.455)	(28.826.234.981)
IV- Hàng tồn kho	140	5.6	49.777.595.613	33.291.079.150
1. Hàng tồn kho	141		49.824.186.201	33.337.669.738
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.590.588)	(46.590.588)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		204.162.308.556	182.287.453.198
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		147.963.592.113	124.909.845.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	147.950.758.767	124.890.012.037
- Nguyên giá	222		213.906.323.576	180.288.190.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.955.564.809)	(55.398.178.588)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	12.833.346	19.833.342
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.166.654)	(15.166.658)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		494.926.157	310.723.921
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	494.926.157	310.723.921
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	42.541.127.551	43.603.230.079
1. Đầu tư vào công ty con	251		40.800.000.000	40.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.258.872.449)	(5.196.769.921)
VI Tài sản dài hạn khác	260		13.162.662.735	13.463.653.819
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	13.162.662.735	13.463.653.819
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		324.522.628.589	320.631.607.287



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		155.033.552.257	148.755.288.897
I- Nợ ngắn hạn	310		122.274.106.574	124.489.779.089
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	26.361.068.852	23.415.043.020
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	6.713.031.073	4.743.961.054
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.151.181.489	6.348.430.338
4. Phải trả người lao động	314		25.118.272.993	24.227.862.632
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.535.610.579	498.181.730
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	36.968.799.905	49.580.922.626
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	12.617.543.724	12.906.279.730
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.808.597.959	2.769.097.959
II- Nợ dài hạn	330		32.759.445.683	24.265.509.808
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	524.209.001	1.126.997.239
2. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.16	32.235.236.682	23.138.512.569
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		169.489.076.332	171.876.318.390
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	169.489.076.332	171.876.318.390
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		64.141.000.000	64.141.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		64.141.000.000	64.141.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.737.500.000	6.737.500.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(18.090.000)	(18.090.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.366.744.390	61.297.944.397
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.261.921.942	39.717.963.993
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		-	8.216.882.712
- LNST chưa phân phối kì này	421b		28.261.921.942	31.501.081.281
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		324.522.628.589	320.631.607.287

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	300.607.474.770	343.649.922.573
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		300.607.474.770	343.649.922.573
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	246.330.657.853	279.359.017.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		54.276.816.917	64.290.904.947
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	9.575.857.046	8.222.917.074
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.117.235.201	8.620.039.415
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>6.404.649.337</i>	<i>6.039.101.915</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.280.832.977	6.011.509.577
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.250.305.707	20.106.226.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		35.204.300.078	37.776.046.330
11. Thu nhập khác	31	6.7	1.190.814.830	18.406.949
12. Chi phí khác	32	6.7	3.143.889.356	69.188.669
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(1.953.074.526)	(50.781.720)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		33.251.225.552	37.725.264.610
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.989.303.610	6.224.183.329
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		28.261.921.942	31.501.081.281

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		33.251.225.552	37.725.264.610
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		13.990.479.818	11.924.476.795
- Các khoản dự phòng	03		1.322.187.996	2.994.110.878
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.295.450.225)	(8.150.684.049)
- Chi phí lãi vay	06		6.404.649.337	6.039.101.915
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		44.673.092.478	50.532.270.149
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.464.219.437	(6.690.280.567)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.486.516.463)	(10.043.217.411)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.958.744.534	4.680.502.485
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		300.991.084	385.794.082
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.751.410.178)	(6.039.101.915)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.224.183.329)	(6.243.758.322)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.960.500.000)	(3.550.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.974.437.563	23.031.818.501
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(37.228.428.788)	(13.578.375.040)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		737.040.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(34.800.000.000)	(38.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		59.300.000.000	14.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.070.410.225	10.150.684.049
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.920.978.563)	(27.927.690.991)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		177.434.112.078	113.645.751.830
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(180.949.510.686)	(90.386.762.926)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.983.370.000)	(25.649.164.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.498.768.608)	(2.390.175.096)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(7.445.309.608)	(7.286.047.586)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		15.561.118.898	22.847.166.484
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.115.809.290	15.561.118.898

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập



Bùi Minh Trúc

Kế toán trưởng



Phạm Anh Linh

Giám đốc



Nguyễn Hữu Ý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức là một Công ty được hình thành thông qua quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là Xí nghiệp Bê tông Ly tâm Thủ Đức thuộc Công ty Xây lắp Điện 2 (nay là Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 2) theo Quyết định số 180/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 11 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0303171325 (số cũ 4103002081) lần đầu ngày 04/02/2004, thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2016 do.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0303171325 thay đổi lần thứ 7 ngày 03/6/2016 là: 64.141.000.000 VND (Sáu mươi tư tỷ, một trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: THUDUC CENTRIFUGAL CONCRETE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: TDC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã BTĐ.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 325 (tại ngày 31/12/2020 là 299).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp (trụ điện, cọc cừ, ống cống, ống cọc, cầu kiện bê tông, bê tông thương phẩm); Xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp điện đến 110 KV, điện dân dụng và điện công nghiệp; Thi công các công trình công nghiệp, dân dụng, cơ sở hạ tầng; Sản xuất và kinh doanh sản phẩm cơ khí (thiết bị nâng, thiết bị sản xuất bê tông, kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí phi tiêu khác), vật liệu xây dựng, vật tư - thiết bị - máy móc kỹ thuật (trừ kinh doanh máy in); Tư vấn xây dựng (trừ kinh doanh dịch vụ thiết kế công trình); Chuyển giao công nghệ sản xuất bê tông công nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh nhà; Thiết kế sản phẩm bê tông công nghiệp, cơ khí, thiết bị nâng công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có Công ty con đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con					
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	234 Đường ĐT 747 ấp Tân Lương-xã Thạnh Phước-huyện Tân Uyên-tỉnh Bình Dương	Sản xuất Bê tông ly tâm	51%	51%	51%
Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	xã Đồng Lạc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Sản xuất Bê tông ly tâm	20%	20%	20%

Đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31/12/2021 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức	Thửa đất số 672, tờ bản đồ số 14, ấp Rạch Bắp, xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN NĂM, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết***

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con và đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03-20
Máy móc và thiết bị	02-12
Phương tiện vận tải	05-08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí: Công cụ, dụng cụ xuất dùng; Chi phí trả trước chờ phân bổ.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí trả trước chờ phân bổ khác

Chi phí khác trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là: Dự phòng bảo hành sản phẩm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm bê tông công nghiệp và dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bê tông công nghiệp, không phải là doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề, cung cấp nhiều nhóm sản phẩm và dịch vụ và Công ty chỉ đăng ký kinh doanh hoạt động tại Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	453.497.167	233.978.959
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.662.312.123	14.817.139.939
Tương đương tiền	-	510.000.000
Tổng	8.115.809.290	15.561.118.898

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	19.710.773.864
Chi nhánh Miền Nam Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	7.640.987.300	7.913.940.700
Công ty Điện lực Bình Phước	3.947.463.722	3.362.263.722
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp An Ngãi	7.326.819.241	6.036.236.438
Các đối tượng khác	44.263.224.144	41.649.200.749
Tổng	82.889.268.271	78.672.415.473
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan(Chi tiết t	8.156.915.057	9.864.595.017

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Vạn Phú	-	6.960.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Hưng Thịnh	-	2.232.527.393
Các đối tượng khác	155.708.247	1.199.802.596
Tổng	155.708.247	10.392.329.989

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Phải thu khác ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Ký quỹ ký cược	14.400.000	-	-	-
Tạm ứng	75.226.087	-	67.833.922	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	4.488.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Dung Quất	345.690.255	345.690.225	345.690.255	345.690.225
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon - lãi trả chậm	936.060.125	832.449.329	936.060.125	697.370.494
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - CN Đông Sài Gòn	-	-	454.297.260	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Vinaincon (i)	2.931.804.810	2.931.804.810	-	-
Phải thu khác	5.813.790	-	17.759.188	-
Tổng	8.796.995.067	4.109.944.364	1.821.640.750	1.043.060.719
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu khác ngắn hạn là các bên liên quan <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	3.867.864.935	832.449.329	936.060.125	697.370.494

(i) Phải thu khác là khoản phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon theo Giấy nhận nợ số 01/2015 ngày 25/02/2015. Số tiền còn lại tại 31/12/2021 là 2.931.804.810 đồng.

5.5 Nợ xấu

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	30.114.281.210	739.224.755	30.114.281.210	1.288.046.229
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Dầu tu Bê tông Công Nghệ Cao	19.710.773.864	-	19.710.773.864	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	4.248.754.935	103.610.796	4.248.754.935	238.689.631
Các đối tượng khác	6.154.752.411	635.613.959	6.154.752.411	1.049.356.598

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu
Công cụ, dụng cụ
Thành phẩm
Hàng gửi bán
Tổng

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	24.557.600.968	-	14.194.298.742	-
	260.756.121	-	163.249.610	-
	25.005.829.112	46.590.588	15.764.358.055	46.590.588
	-	-	3.215.763.331	-
Tổng	49.824.186.201	46.590.588	33.337.669.738	46.590.588

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2021	87.927.080.186	85.764.299.677	5.803.907.855	792.902.907	180.288.190.625	
Tăng trong năm	6.026.762.552	30.928.914.000	-	88.550.000	37.044.226.552	
Mua trong năm	-	3.672.584.196	-	88.550.000	3.761.134.196	
Đầu tư XDCB hoàn thành	6.026.762.552	27.256.329.804	-	-	33.283.092.356	
Giảm trong năm	-	(3.426.093.601)	-	-	(3.426.093.601)	
Thanh lý tài sản	-	(3.426.093.601)	-	-	(3.426.093.601)	
Số dư tại ngày 31/12/2021	93.953.842.738	113.267.120.076	5.803.907.855	881.452.907	213.906.323.576	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2021	17.979.841.722	34.534.036.752	2.414.591.232	469.708.882	55.398.178.588	
Tăng trong năm	4.852.990.937	8.370.423.845	681.466.304	78.598.736	13.983.479.822	
Khấu hao trong năm	4.852.990.937	8.370.423.845	681.466.304	78.598.736	13.983.479.822	
Giảm trong năm	-	(3.426.093.601)	-	-	(3.426.093.601)	
Thanh lý nhượng bán	-	(3.426.093.601)	-	-	(3.426.093.601)	
Số dư tại ngày 31/12/2021	22.832.832.659	39.478.366.996	3.096.057.536	548.307.618	65.955.564.809	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2021	69.947.238.464	51.230.262.925	3.389.316.623	323.194.025	124.890.012.037	
Tại ngày 31/12/2021	71.121.010.079	73.788.753.080	2.707.850.319	333.145.289	147.950.758.767	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 66.393.957.069 VND (tại ngày 31/12/2020 là 66.607.966.653 VND). Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 25.752.569.607 VND (tại ngày 31/12/2020 là 27.790.598.982 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	35.000.000	35.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>35.000.000</u>	<u>35.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2021	15.166.658	15.166.658
Tăng trong năm	6.999.996	6.999.996
Khấu hao trong năm	6.999.996	6.999.996
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>29.166.650</u>	<u>22.166.654</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	<u>19.833.342</u>	<u>19.833.342</u>
Tại ngày 31/12/2021	<u>5.833.350</u>	<u>12.833.346</u>

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Gia công khuôn	105.147.331	310.723.921
Gia công cầu trục 5T	389.778.826	-
Tổng	<u>494.926.157</u>	<u>310.723.921</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Đầu tư tài chính dài hạn

Đối tượng đầu tư	Vốn năm giữ	Số lượng	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
			Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (i)
Đầu tư vào Công ty con			40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức I	51%	4.080.000	40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			8.000.000.000	(6.258.872.449)	8.000.000.000	(5.196.769.921)
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm VINAINCON	20%	800.000	8.000.000.000	(6.258.872.449)	8.000.000.000	(5.196.769.921)
Tổng			48.800.000.000	(6.258.872.449)	48.800.000.000	(5.196.769.921)

(i) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí mua bảo hiểm	36.209.249	47.602.327
Chi phí sửa chữa, cải tạo	616.220.822	474.041.647
Chi phí thuê đất (i)	4.487.721.936	4.738.199.439
Chi phí giải phóng mặt bằng (ii)	8.022.510.728	8.203.810.406
Tổng	13.162.662.735	13.463.653.819

(i) Giá trị còn lại của tiền thuê đất trả trước đến tháng 12/2039 cho diện tích đất thuê tại xã An Tây, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê lại đất số 761/HĐTD-STNMT ngày 06/3/2017. Tổng diện tích đất thuê là 45.741,1 m². Quyền sử dụng đất với diện tích đất thuê này đã được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất tại Bến Cát - Bình Dương nêu trên được phân bổ vào chi phí tương ứng với thời gian thuê đất còn lại đến ngày 29/4/2066.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Hiệp Hưng An	453.678.856	453.678.856	3.738.576.719	3.738.576.719
Công ty TNHH Nghĩa Thành	2.810.589.601	2.810.589.601	3.045.455.801	3.045.455.801
Công ty Cổ phần Nghĩa Thành Viễn Đông	4.253.464.600	4.253.464.600	2.505.460.100	2.505.460.100
Cty TNHH PT VL Xây Dựng Nam Sài Gòn	4.767.380.324	4.767.380.324	2.397.665.788	2.397.665.788
Changshu Longyue Rolling Element Interna	-	-	2.917.416.510	2.917.416.510
Các đối tượng khác	14.075.955.471	14.075.955.471	8.810.468.102	8.810.468.102
Tổng	26.361.068.852	26.361.068.852	23.415.043.020	23.415.043.020

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam Lập Phát	1.562.420.542	34.739.767
Công ty Cổ phần điện Sài Gòn Gia Định	324.464.899	669.746.101
Các đối tượng khác	4.826.145.632	4.039.475.186
Tổng	6.713.031.073	4.743.961.054
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>	48.299.977	18.900.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC
 356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
 thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND		
	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm
Phải nộp			31/12/2021
Thuế GTGT đầu ra	6.348.430.338	14.405.515.634	15.602.764.483
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.249.284.412	7.997.891.903	8.016.040.235
Thuế thu nhập cá nhân	4.224.183.329	4.989.303.610	6.224.183.329
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	646.774.588	1.093.019.490	1.037.240.288
Các loại thuế khác	-	321.300.631	321.300.631
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000
	228.188.009	-	-
			228.188.009

5.15 Phải trả khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.535.610.579	498.181.730		
Kinh phí công đoàn	251.964.666	390.916.786		
Bảo hiểm xã hội	26.995.110	-		
Cổ tức phải trả	5.084.764.000	-		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	171.886.803	107.264.944		
b) Dài hạn	524.209.001	1.126.997.239		
Chiết khấu thanh toán	524.209.001	1.126.997.239		
Tổng	6.059.819.580	1.625.178.969		

Trong đó:

phải trả khác là các bên liên quan
 (Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)

5.084.764.000 -

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xã lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021 (VND)		Trong năm		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	36.968.799.905	36.968.799.905	167.468.048.963	180.080.171.684	49.580.922.626	49.580.922.626
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (i)	36.968.799.905	36.968.799.905	167.468.048.963	180.080.171.684	49.580.922.626	49.580.922.626
b) Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	32.235.236.682	32.235.236.682	9.966.063.115	869.339.002	23.138.512.569	23.138.512.569
Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn (ii)	32.235.236.682	32.235.236.682	9.966.063.115	869.339.002	23.138.512.569	23.138.512.569
Tổng	69.204.036.587	69.204.036.587	177.434.112.078	180.949.510.686	72.719.435.195	72.719.435.195

Vay Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn**(i) Hợp đồng tín dụng số 96/2021-HĐCVHM/NHCT946-BLTTD ký ngày 10/6/2021**

Mục đích vay
Thời hạn vay

Lãi suất vay

Hình thức đảm bảo tiền vay

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021

Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh
Không quá 06 tháng theo từng kế ước nhận nợ
Được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời điểm và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.

Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 292/2017-HĐTCHK/NHCT946-BTLT ngày 03/10/2017; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ luân chuyển số 293/2017-HĐTC/NHCT946-BTLT ngày 03/10/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 294/2017-HĐTC.NXHITTL ngày 05/10/2017; Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 296/2017-HĐTC/NHCT946-BTLT ngày 03/10/2017; Hợp đồng thế chấp bất động sản số 101/2018-HĐĐĐ/NHCT946-BTLT ngày 01/6/2018; Các phụ lục đính kèm, văn bản sửa đổi của các hợp đồng nêu trên.

36.968.799.905 VND

(ii) Hợp đồng tín dụng số 291/2017-HĐCVDADT/NHCT946-BTLT ký ngày 27/9/2017

Mục đích vay
Thời hạn vay

Lãi suất vay

Hình thức đảm bảo tiền vay

Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021

Đầu tư dự án Nhà máy sản xuất bê tông ly tâm
96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên

Được xác định theo số dư nợ gốc thực tế giảm dần và mức lãi suất cho vay được quy định theo Giấy nhận nợ.
Nhà xưởng, máy móc thiết bị hình thành từ dự án và quyền sử dụng đất thuê tại nhà máy

32.235.236.682 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự phòng bảo hành sản phẩm	12.617.543.724	12.906.279.730
Tổng	12.617.543.724	12.906.279.730

5.18 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	61.297.944.397	38.266.046.712	170.424.401.109
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	31.501.081.281	31.501.081.281
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(4.400.000.000)	(4.400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.649.164.000)	(25.649.164.000)
Số dư tại 31/12/2020	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	61.297.944.397	39.717.963.993	171.876.318.390
Số dư tại 01/01/2021	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	61.297.944.397	39.717.963.993	171.876.318.390
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	28.261.921.942	28.261.921.942
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	9.068.799.993	-	9.068.799.993
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(14.068.799.993)	(14.068.799.993)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(25.649.164.000)	(25.649.164.000)
Số dư ngày 31/12/2021	64.141.000.000	6.737.500.000	(18.090.000)	70.366.744.390	28.261.921.942	169.489.076.332

Đơn vị tính: VND

(i) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 250/TDC-ĐHĐCĐ ngày 14/5/2021: Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành 5.000.000.000 VND; trích Quỹ đầu tư phát triển 9.068.799.993 VND; chia cổ tức với tỷ lệ 40%/VĐL tương đương với 25.649.164.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	51,00%	3.271.191	32.711.910.000	51,00%	3.271.191	32.711.910.000
Bà Hà Thị Kim Dung	5,05%	323.610	3.236.100.000	5,05%	323.610	3.236.100.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	43,95%	2.819.299	28.192.990.000	43,95%	2.819.299	28.192.990.000
Tổng	100%	6.414.100	64.141.000.000	100%	6.414.100	64.141.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại 01/01	64.141.000.000	64.141.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại 31/12	64.141.000.000	64.141.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	25.649.164.000	25.649.164.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.414.100	6.414.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.809	1.809
Cổ phiếu phổ thông	1.809	1.809
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.412.291	6.412.291
Cổ phiếu phổ thông	6.412.291	6.412.291
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	279.611.553.945	310.648.516.735
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.995.920.825	33.001.405.838
Tổng	300.607.474.770	343.649.922.573
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>2.394.416.035</i>	<i>115.454.600</i>
<i>(Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	225.295.047.348	246.428.241.115
Giá vốn cung cấp dịch vụ	21.035.610.505	32.930.776.511
Tổng	246.330.657.853	279.359.017.626

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	990.410.225	1.214.684.049
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.568.000.000	6.936.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.446.821	72.233.025
Tổng	9.575.857.046	8.222.917.074

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.404.649.337	6.039.101.915
Dự phòng đầu tư tài chính	1.062.102.528	1.300.320.055
Chiết khấu thanh toán	636.783.000	1.087.505.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	13.700.336	193.112.445
Tổng	8.117.235.201	8.620.039.415

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.943.229.292	2.211.420.695
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	181.938.901	247.212.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.310.902	202.075.252
Chi phí bảo hành sản phẩm	(288.736.006)	1.693.790.823
Chi phí bằng tiền khác	1.310.089.888	1.657.010.108
Tổng	3.280.832.977	6.011.509.577

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.534.113.903	11.840.664.934
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.056.500	145.257.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	746.659.305	685.000.088
Thuế, phí và lệ phí	176.490.867	273.382.831
Chi phí dịch vụ mua ngoài	641.580.315	579.927.518
Chi phí dự phòng	548.821.474	1.542.252.530
Chi phí khác	4.531.583.343	5.039.741.146
Tổng	17.250.305.707	20.106.226.699

6.7 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	737.040.000	-
Thu nhập từ thanh lý vật tư	142.620.327	-
Thu nhập từ hệ thống điện mặt trời áp mái	309.480.000	-
Các khoản khác	1.674.503	18.406.949
Tổng	1.190.814.830	18.406.949
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí phát sinh liên quan dịch bệnh Covid-19	3.043.924.829	-
Chi phí thanh lý vật tư	99.119.939	-
Các khoản khác	844.588	69.188.669
Tổng	3.143.889.356	69.188.669
Lợi nhuận khác	(1.953.074.526)	(50.781.720)

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	153.519.699.753	155.653.910.291
Chi phí nhân công	65.369.227.583	78.972.285.146
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.990.479.818	11.924.476.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.458.105.109	43.970.402.212
Chi phí khác bằng tiền	11.027.548.778	13.831.314.834
Tổng	285.365.061.041	304.352.389.278

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	33.251.225.552	37.725.264.610
<i>Điều chỉnh tăng</i>	263.292.496	331.652.036
<i>Chi phí không được trừ</i>	263.292.496	331.652.036
<i>Điều chỉnh giảm</i>	(7.986.959.000)	(6.936.000.000)
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	(8.568.000.000)	(6.936.000.000)
Thu nhập chịu thuế	25.527.559.048	31.120.916.646
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.105.511.810	6.224.183.329

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Danh sách bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên
Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên
Ông Nguyễn Thế Phương	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Cường	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Việt Hòa	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc
Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc
Ông Phạm Anh Linh	Kế toán trưởng
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan nêu trên	
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Công ty con
Chi nhánh Miền Nam Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2-Xí nghiệp XLĐ 2.9	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Vinaincon	Công ty liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan

b. Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Đỗ Chí Nguyễn	Chủ tịch	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hữu Ý	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Hồ Đăng Khoa	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thế Phương	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Tổng		252.000.000	252.000.000

Lương, thù lao và các lợi ích khác của Ban kiểm soát

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Quang Cường	Trưởng ban	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Việt Hòa	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Văn Hùng	Thành viên	24.000.000	24.000.000
Tổng		84.000.000	84.000.000

Lương và các lợi ích khác của Ban Giám đốc và người quản lý khác

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2020</u> <u>VND</u>
Ông Nguyễn Hữu Ý	Giám đốc	884.482.000	979.740.000
Ông Hồ Đăng Khoa	Phó Giám đốc	600.207.000	709.435.000
Bà Phan Thị Hồng Phúc	Phó Giám đốc	559.247.000	680.107.000
Ông Phạm Anh Linh	Kế toán trưởng	460.573.000	467.028.000
Tổng		2.504.509.000	2.836.310.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG LY TÂM THỦ ĐỨC

356 A Xa lộ Hà Nội, phường Phước Long A,
thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**c. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021		Năm 2020	
			VND	VND	VND	VND
Giao dịch mua						
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Công ty con	Mua hàng	1.036.363.800	4.388.706.000	4.388.706.000	4.388.706.000
Giao dịch bán						
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Công ty con	Bán hàng	2.394.416.035	115.454.600	115.454.600	115.454.600
Chi nhánh Miền Nam Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	Bán hàng	154.836.405			
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2-Xí nghiệp XLD 2.9	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng	2.226.216.000			
Giao dịch khác						
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	Lãi cho vay	13.363.630			
			-	103.183.242		103.183.242
			-			103.183.242

d. Số dư phải thu và phải trả các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021		01/01/2021	
		VND	VND	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức 1	Công ty con	8.156.915.057	9.864.595.017	9.864.595.017	9.864.595.017
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	135.037.757	1.569.764.317	1.569.764.317	1.569.764.317
Chi nhánh Miền Nam Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam	Công ty mẹ	380.890.000	380.890.000	380.890.000	380.890.000
Phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Công ty liên kết	7.640.987.300	7.913.940.700	7.913.940.700	7.913.940.700
Người mua trả tiền trước ngắn hạn					
Công ty TNHH MTV Xây lắp điện 2 - Xí nghiệp XLD 2.9	Cùng Công ty mẹ	3.867.864.935	3.867.864.935	3.867.864.935	3.867.864.935
Phải trả khác					
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam - cổ tức	Cùng Công ty mẹ	48.299.977	48.299.977	48.299.977	48.299.977
	Công ty mẹ	5.084.764.000	5.084.764.000	5.084.764.000	5.084.764.000
		-	-	-	-
		-	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Bùi Minh Trúc



Phạm Anh Linh



Nguyễn Hữu Ý

